

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Việc quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây viết tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi hợp nhất tỉnh, tỉnh Bạc Liêu chưa ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tỉnh Cà Mau ban hành Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Từ khi Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân Cà Mau ban hành đến nay chưa có phát sinh hồ sơ doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ.

Sau khi hợp nhất tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và qua thực tiễn sắp xếp đơn vị hành chính, việc rà soát, tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (thay thế Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND) là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.
- Đảm bảo phù hợp với chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Quá trình nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ và bám sát theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và kịp thời của văn bản trong hệ thống pháp luật.
- Việc quy định các tiêu chí phải phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tính khả thi, đúng quy định của pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 13/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý theo quy định; đồng thời dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã lấy ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo văn bản và tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tại Hội nghị thẩm tra ngày 02/6/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị bổ sung đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; rà soát Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND và đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành, đề xuất các nội dung còn phù hợp tiếp tục kế thừa áp dụng và các nội dung không còn phù hợp đưa ra khỏi nghị quyết; quy định cụ thể nguồn kinh phí hỗ trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành rà soát, báo cáo. Sở Tài chính đã phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, báo cáo, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định (lần 2); tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 599/TTr-STC ngày 24/6/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm có 07 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

5. Chính sách hỗ trợ

5.1. Hỗ trợ tập trung đất đai

a) Điều kiện hỗ trợ

Chỉ hỗ trợ đối với dự án phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch được lập theo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn nhằm đáp ứng điều kiện theo pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường;

Việc thuê đất, thuê lại đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải thực hiện đúng điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Trường hợp hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, hỗ trợ chi phí liên quan đến tập trung đất đai thì phải xác định rõ điều kiện hỗ trợ, phạm vi hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí, cơ quan thẩm định, cơ quan nghiệm thu, cơ chế giải ngân và thanh quyết toán;

Không quy định nội dung làm thay đổi hình thức sử dụng đất, miễn trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc thay đổi trình tự, thủ tục đất đai trái với Luật Đất đai số

31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

b) Mức hỗ trợ tập trung đất đai

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động;

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng cả hai hình thức quy định nêu trên thì được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng cả hai hình thức nêu trên.

5.2. Hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

Doanh nghiệp có đề nghị được hỗ trợ lãi suất có khoản vay phục vụ dự án đầu tư theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Khoản vay của doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, sử dụng vốn đúng mục đích phục vụ dự án đầu tư theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác.

Tại thời điểm xét hỗ trợ, khoản vay phát sinh số dư nợ gốc bị quá hạn không được hỗ trợ lãi suất. Khoản vay được gia hạn nợ không được hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ.

b) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Trường hợp dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

đ) Phương thức hỗ trợ lãi suất: Số tiền hỗ trợ lãi suất được chi trả trực tiếp qua tài khoản thanh toán của doanh nghiệp được mở tại ngân hàng thương mại.

6. Nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Ngân sách địa phương bố trí vốn chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khi có nhu cầu, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. GIẢI TRÌNH LÀM RÕ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ

1. Về chính sách hỗ trợ đầu tư

Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND quy định 12 nội dung hỗ trợ. Tuy nhiên, qua rà soát, trách nhiệm của địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, cơ quan soạn thảo chỉ soạn thảo các nội dung nhiệm vụ giao địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Về chính sách quy định 02 nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tập trung đất đai và hỗ trợ tín dụng.

a) *Chính sách hỗ trợ tập trung đất đai:* Dự thảo Nghị quyết quy định:

“*Mức hỗ trợ tập trung đất đai*

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động;

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng cả hai hình thức quy định nêu trên thì được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng cả hai hình thức nêu trên”.

Tỉnh Cà Mau có 64 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 59 địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 05 địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Đối chiếu với quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tỉnh Cà Mau có Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư (*không có Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư*).

Các chính sách hỗ trợ tập trung đất đai của dự thảo Nghị quyết được quy định căn cứ Điều 7 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; trong đó, dự thảo Nghị quyết quy định, đối với các doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án (*Nghị định số 57/2018/NĐ-CP quy định tối đa 10 tỷ đồng/dự án*). Quy định này kế thừa từ Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Sở Tài chính đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn (*trong đó có Sở Nông nghiệp và Môi trường*) rà soát chính sách hỗ trợ tập trung đất đai quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND, xác định phù hợp và thống nhất đề xuất tiếp tục kế thừa.

b) Chính sách hỗ trợ tín dụng: Dự thảo Nghị quyết quy định:

“Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Trường hợp dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm”.

Do Cà Mau là địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn, cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ tối đa so với quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cao hơn quy định cũ (*Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND quy định hỗ trợ 2%/năm*).

2. Về nguồn kinh phí hỗ trợ

Việc bố trí nguồn vốn và lồng ghép nguồn vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Quy định này đã xác định rõ nguyên tắc ngân sách địa phương là nguồn lực chủ yếu, đồng thời phải bảo đảm lồng ghép với các chương trình, dự án khác có liên quan để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Việc thực hiện hỗ trợ sau đầu tư cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT.

Dự thảo Nghị quyết không quy định bố trí tối thiểu 5% ngân sách địa phương cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP. Lý do là việc quy định cứng một tỷ lệ ngân sách cụ thể có thể làm giảm tính chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành ngân sách của địa phương. Trong trường hợp nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp thực tế thấp hơn mức kinh phí đã bố trí, nguồn lực ngân sách có thể không được sử dụng hiệu quả, đồng thời hạn chế khả năng ưu tiên nguồn vốn cho các nhiệm vụ cấp bách, quan trọng và các nhiệm vụ phát sinh khác theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo đúng quy định.

Dự kiến Nghị quyết được trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN&MT, TP;
- NHNN chi nhánh Khu vực 15;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, CH (TTr 10), M.A316/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử